Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8209.00.00

Mã HS	8209.00.00
Mô tả hàng hóa	Chi tiết hình đĩa, thanh cỡ nhỏ, mũi chóp và các chi tiết tương tự cho dụng cụ, chưa được gắn vào dụng cụ, làm bằng gốm kim loại
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 07:34:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82090000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12553
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12553
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12553
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11908
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11851
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11851
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11851
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11851
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11851
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11851
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11903
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11903

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11903
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11903
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11903
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11903
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11904
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11904
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11904
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11904
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11904
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11904
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11907
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11857
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11863
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11863
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11863
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11863
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11863
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11863
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11896
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11896
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11896
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11896
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11896
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11896
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11941
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11941

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11941
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11941
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11941
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11941
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11926
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11926
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11926
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11926
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11926
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11926
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11926
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11926
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11926
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11926
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11926
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11926
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11943
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11943
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11943
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11943
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11943
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11943
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11942
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11942
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11942
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11942

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11942
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11942
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11889
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11889
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11889
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11889
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11889
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11889
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11889
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11926
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11926
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11926
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11926
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11926
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11926
RCEP B	2022	2022	0	B!D11926
RCEP B	2023	2023	0	B!E11926
RCEP B	2024	2024	0	B!F11926
RCEP B	2025	2025	0	B!G11926
RCEP B	2026	2026	0	B!H11926
RCEP B	2027	2027	0	B!I11926
RCEP C	2022	2022	0	C!D11926
RCEP C	2023	2023	0	C!E11926
RCEP C	2024	2024	0	C!F11926
RCEP C	2025	2025	0	C!G11926
RCEP C	2026	2026	0	C!H11926

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11926
RCEP D	2022	2022	0	D!D11925
RCEP D	2023	2023	0	D!E11925
RCEP D	2024	2024	0	D!F11925
RCEP D	2025	2025	0	D!G11925
RCEP D	2026	2026	0	D!H11925
RCEP D	2027	2027	0	D!I11925
RCEP E	2022	2022	0	E!D11929
RCEP E	2023	2023	0	E!E11929
RCEP E	2024	2024	0	E!F11929
RCEP E	2025	2025	0	E!G11929
RCEP E	2026	2026	0	E!H11929
RCEP E	2027	2027	0	E!I11929
RCEP F	2022	2022	0	F!D11926
RCEP F	2023	2023	0	F!E11926
RCEP F	2024	2024	0	F!F11926
RCEP F	2025	2025	0	F!G11926
RCEP F	2026	2026	0	F!H11926
RCEP F	2027	2027	0	F!I11926
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11028
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11028
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11028
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11028

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8209.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8209.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12553), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.